

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 32/2006/TT-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006

của Chính phủ "Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài"

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ "Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài";

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Bộ Nông nghiệp và PTNT) hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu các loại hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp như sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp, gồm:

- Xuất khẩu gỗ, sản phẩm gỗ từ rừng tự nhiên trong nước; Củi, than làm từ gỗ hoặc củi có nguồn gốc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước;
- Xuất khẩu, nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm;
- Xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng;

- d) Xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi;
- đ) Nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật và hoá chất dùng trong thú y;
- e) Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), nguyên liệu thuốc BVTV và sinh vật sống trong lĩnh vực BVTV;
- g) Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi (TACN) và nguyên liệu TACN;
- h) Nhập khẩu phân bón và các chế phẩm phân bón;
- i) Xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học, kỹ thuật.

2. Hàng hoá nhập khẩu thuộc diện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, trước khi thông quan, phải thực hiện quy định tại các Quyết định số 45/2005/QĐ-BNN, ngày 25 tháng 07 năm 2005 về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch và Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 03 năm 2006 về Quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y.

3. Hàng hoá nhập khẩu trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trước khi thông quan phải thực hiện quy định tại các Quyết định số 72/2005/QĐ-BNN ngày 14 tháng 11 năm 2005 về việc công bố Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Việt Nam, Quyết định số 73/2005/QĐ-BNN ngày 14 tháng 11 năm 2005 về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam và Quyết định số 16/2004/QĐ-BNN-BVTV ngày 20 tháng 4 năm 2006 về việc ban hành quy định về các thủ tục kiểm tra vật thể và lập hồ sơ kiểm dịch thực vật.

4. Trường hợp cửa khẩu chưa có cơ quan kiểm dịch động, thực vật thì hàng hoá được thông quan theo cơ chế đăng ký trước, kiểm tra sau, cụ thể là:

Cơ quan kiểm dịch có thể kiểm dịch cùng lúc Cơ quan hải quan kiểm tra hàng hoá hoặc kiểm dịch sau khi hàng hoá đã hoàn thành thủ tục hải quan theo thời gian và địa điểm được xác định trong giấy đăng ký kiểm dịch.

5. Việc kiểm tra chất lượng thuốc BVTV và nguyên liệu thuốc BVTV thực hiện theo hình thức đăng ký trước và kiểm tra chất lượng sau khi thông quan.

6. Các danh mục hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp tại các quyết định được đề cập đến trong Thông tư này được áp dụng cho đến khi hoàn thành việc áp mã số HS.

7. Khi ban hành mới, sửa đổi hoặc bổ sung các Danh mục hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp được quy định tại Thông tư này, các Cục được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao nhiệm vụ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thông báo cho Hải quan và các cơ quan liên quan.

8. Thương nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung khai báo khi xuất khẩu, nhập khẩu và thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước về tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ; Củi, than làm từ gỗ hoặc củi có nguồn gốc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước

1.1. Cấm xuất khẩu gỗ, sản phẩm gỗ rừng tự nhiên trong nước, gồm:

a) Gỗ tròn các loại.

b) Gỗ xẻ các loại.

c) Sản phẩm làm từ gỗ thuộc diện nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IA quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; sản phẩm làm từ gỗ quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES).

1.2. Các sản phẩm gỗ xuất khẩu theo điều kiện hoặc theo giấy phép:

a) Sản phẩm làm từ gỗ thuộc diện nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IIA quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm chỉ được phép xuất khẩu ở dạng đồ gỗ mỹ nghệ và đồ gỗ cao cấp. Khi xuất khẩu, thương nhân kê khai tại Hải quan cửa khẩu.

Đồ gỗ mỹ nghệ là các sản phẩm gỗ hoàn chỉnh sản xuất bằng phương pháp thủ công hoặc máy, hoặc thủ công kết hợp máy; được hoàn thiện bằng các công nghệ đục, chạm, trổ, khắc, khảm, tiện, trang trí bề mặt như sơn mài, mạ vàng, sơn bóng các loại.

Đồ gỗ cao cấp là các sản phẩm hoàn chỉnh, được sản xuất bằng phương pháp thủ công hoặc máy, hoặc thủ công kết hợp máy, được đánh bóng hoặc phủ sơn bề mặt.

b) Sản phẩm làm từ gỗ quy định tại Phụ lục II, III của Công ước CITES, khi xuất khẩu phải có giấy phép CITES do cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam (gọi tắt là Văn phòng CITES Việt Nam) cấp.

1.3. Được xuất khẩu các loại củi, than làm từ gỗ hoặc củi có nguồn gốc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước trong các trường hợp sau:

a) Củi, than từ gỗ tận thu, tận dụng, gỗ cành ngọn trong quá trình khai thác gỗ rừng tự nhiên được quy định tại Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác ban hành kèm theo Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 07 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

b) Củi, than từ gỗ tận thu, tận dụng, gỗ cành ngọn trong quá trình khai thác gỗ rừng tự nhiên để chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia, như: Xây dựng lòng hồ thủy điện, lưới điện cao áp, đường giao thông, khu công nghiệp... theo quy định của Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

c) Củi, than từ gỗ tận thu, tận dụng, trong rừng tự nhiên bị thiên tai như: bão lụt, cháy rừng...

Khi xuất khẩu các sản phẩm trên phải có xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại và nộp cho Hải quan cửa khẩu khi làm thủ tục xuất khẩu. Nội dung xác nhận gồm: Số lượng hàng hoá được phép xuất khẩu; Tên người xuất khẩu; Thời gian hiệu lực của văn bản xác nhận.

2. Xuất khẩu, nhập khẩu động vật, thực vật (trừ gỗ và sản phẩm gỗ quy định tại Mục 1) hoang dã nguy cấp, quý, hiếm

2.1. Cấm xuất khẩu vì mục đích thương mại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm sau đây:

a) Động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IB và IIB, thực vật rừng thuộc nhóm IA tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

b) Động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES;

c) Động vật hoang dã là thiên địch của chuột theo Chỉ thị số 09/1998/CT-TTg ngày 18 tháng 02 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 140/2000/QĐ-BNN-KL ngày 21 tháng 12 năm 2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố Danh mục một số loại động vật hoang dã là thiên địch của chuột;

d) Tinh dầu trầm (gió bầu) và tinh dầu xá xị theo Quyết định số 45/1999/QĐ-BNN-KL ngày 02 tháng 03 năm 1999 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.2. Động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được xuất khẩu khi có những điều kiện sau:

a) Động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được quy định tại Khoản 2.1 khi xuất khẩu không vì mục đích thương mại (phục vụ ngoại giao, nghiên cứu khoa học, trao đổi giữa các vườn động vật, vườn thực vật, triển lãm, biểu diễn xiếc, trao đổi, trao trả mẫu vật giữa các Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES các nước) phải được Văn phòng CITES Việt Nam cấp phép.

b) Được phép xuất khẩu động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm sau:

- Động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc nuôi sinh sản, trồng cấy nhân tạo.

- Thực vật rừng từ tự nhiên thuộc nhóm IIA, quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

- Động vật, thực vật hoang dã từ tự nhiên quy định tại các Phụ lục II và III của Công ước CITES, không quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

Xuất khẩu động vật, thực vật hoang dã (trừ sản phẩm gỗ quy định tại điểm a, khoản 1.2 Mục 1) phải được Văn phòng CITES Việt Nam cấp giấy phép.